

Số: 740 /BC-SGDĐT

Quảng Ngãi, ngày 23 tháng 8 năm 2019

## **BÁO CÁO**

### **Tình hình thực hiện chính sách, pháp luật trong sử dụng, ứng dụng công nghệ thông tin để cải cách hành chính, hiện đại hóa nền hành chính nhà nước của Sở Giáo dục và Đào tạo, giai đoạn từ năm 2016 đến tháng 6/2019**

Thực hiện Kế hoạch số 17/KH-ĐGS ngày 23/7/2019 của Đoàn Giám sát Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về Giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật trong sử dụng, ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) để cải cách hành chính, hiện đại hóa nền hành chính nhà nước của trên địa bàn tỉnh, giai đoạn từ năm 2016 đến tháng 6/2019, Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) báo cáo tình hình thực hiện chính sách, pháp luật trong sử dụng, ứng dụng CNTT để cải cách hành chính, hiện đại hóa nền hành chính nhà nước, như sau:

#### **I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT TRONG SỬ DỤNG, ỨNG DỤNG CNTT ĐỂ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, HIỆN ĐẠI HÓA NỀN HÀNH CHÍNH**

##### **1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức ứng dụng CNTT để cải cách hành chính**

- Nhận thức được tầm quan trọng của CNTT, trong thời gian qua Đảng ủy và lãnh đạo Sở đã có chỉ đạo sâu sát để nâng cấp, đầu tư đồng bộ hệ thống trang thiết bị CNTT. Từ đó, việc ứng dụng CNTT đã có những bước tiến đáng kể, góp phần quan trọng trong cải cách hành chính, trong lãnh đạo, điều hành, đảm bảo được sự chính xác và kịp thời trong quá trình xử lý công việc phục vụ tốt cho người dân và doanh nghiệp.

- Thực hiện các chủ trương của UBND tỉnh về phát triển CNTT như: Quyết định số 916/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 918/QĐ-UBND ngày 13/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về Phê duyệt Đề án xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2018-2022... Sở GDĐT đã lồng ghép nội dung ứng dụng CNTT vào các kế hoạch, đề án, dự án hàng năm để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Tham mưu UBND tỉnh Ban hành Quyết định 1034/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2017 về Kế hoạch thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2025” trong hoạt động dạy - học trên địa bàn tỉnh.

- Phân công 01 đồng chí lãnh đạo Sở theo dõi, thực hiện nhiệm vụ lãnh đạo về ứng dụng CNTT, đảm bảo triển khai các hoạt động ứng dụng CNTT tại Sở.

## **2. Công tác tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng, ứng dụng công nghệ thông tin**

### *a) Công tác tuyên truyền*

Thường xuyên tuyên truyền công chức, viên chức và người lao động sử dụng ứng dụng CNTT, dùng môi trường mạng để giải quyết công việc; lồng ghép thông qua hướng dẫn nhiệm vụ Công nghệ thông tin đầu năm học.

*b) Công tác tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ, triển khai ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết công việc, thực hiện cải cách hành chính tại cơ quan*

Hàng năm, Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức các lớp tập huấn ứng dụng CNTT, tin học hóa trong công tác văn thư, lưu trữ (hệ thống eOffice); chọn cử công chức, viên chức tham gia các lớp đào tạo, tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ về ứng dụng công nghệ thông tin vào để giải quyết công việc như: Lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sử dụng Phần mềm Văn phòng điện tử eOffice do Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức hàng năm, lớp hướng dẫn sử dụng Phần mềm Văn phòng điện tử eOffice phiên bản Web do BKAV Việt Nam tổ chức (năm 2019). Năm 2019, cử công chức, viên chức có sử dụng Phần mềm một cửa điện tử để giải quyết thủ tục hành chính do VNPT Quảng Ngãi tổ chức. Qua các lớp đào tạo, bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ đã nâng cao kiến thức, thao tác xử lý các phần mềm có liên quan trong quá trình xử lý công việc của công chức, viên chức.

## **II. KẾT QUẢ SỬ DỤNG, ỨNG DỤNG CNTT, THỰC HIỆN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC**

### **1. Tình hình nhân lực sử dụng, ứng dụng công nghệ thông tin giải quyết công việc tại cơ quan**

Số lượng công chức, người lao động thường xuyên sử dụng CNTT để giải quyết công việc, thực hiện nhiệm vụ được giao: 48 người. 100% công chức, người lao động làm công tác chuyên môn đã qua các lớp đào tạo về CNTT từ cơ bản trở lên; Tỷ lệ công chức, người lao động tham gia sử dụng CNTT để phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ đạt 100%; 100% công chức biết tác nghiệp trên mạng LAN, khai thác, sử dụng internet để phục vụ công tác chuyên môn.

### **2. Tình hình đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động và cải cách hành chính của cơ quan**

#### *a) Tình hình đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin ở cơ quan, đơn vị*

- Tính đến tháng 6/2019, Sở GDĐT có tổng cộng 50 bộ máy vi tính (máy tính để bàn và máy tính xách tay) được trang bị kết nối mạng LAN và Internet. Tỷ lệ công chức, viên chức được trang bị máy vi tính để phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết công việc tại cơ quan là 01 máy tính/01 người. Máy tính được trang bị cơ bản đáp ứng về chất lượng để giải quyết công việc.

- Trang bị 01 hệ thống họp trực tuyến (đầu cầu chính tại sở và 14 điểm phụ đặt tại 14 huyện/thành phố), trang bị 01 máy chủ (Server) để triển khai các dịch vụ trong ngành như: Họp trực tuyến, hệ thống eOffice, ...

- Tiến hành nâng cấp và đầu tư đồng bộ hệ thống trang thiết bị CNTT, mạng LAN và kết nối sử dụng internet băng thông rộng trong toàn bộ cơ quan, nhằm đảm bảo điều kiện hạ tầng kỹ thuật đáp ứng triển khai các ứng dụng CNTT phục vụ xây dựng Chính quyền điện tử.

- Để tăng cường việc ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan nhà nước, Sở tiếp tục duy trì vận hành phần mềm văn phòng điện tử eOffice để phục vụ trong công tác quản lý và điều hành. Triển khai ứng dụng chữ ký số vào liên thông hệ thống, hạn chế việc sử dụng và gửi công văn bằng văn bản giấy để tiết kiệm chi phí cũng như tăng hiệu quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

- Đã xây dựng 03 thủ tục hành chính đạt mức 3 và phối hợp với Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh số hóa bộ thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo được UBND tỉnh phê duyệt.

*b) Kinh phí bố trí cho việc triển khai, thực hiện ứng dụng CNTT của cơ quan trong các năm (từ năm 2016 đến tháng 6/2019)*

*(chi tiết theo Phụ lục 1 kèm theo)*

### **3. Tình hình sử dụng, ứng dụng CNTT để cải cách hành chính nhà nước ở cơ quan**

*a) Tình hình sử dụng, ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ cơ quan nhà nước để xử lý công việc thường xuyên và phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành*

- Triển khai và hoàn thiện Cơ sở dữ liệu đội ngũ nhà giáo (PMIS); Cơ sở dữ liệu ngành (trường, lớp, giáo viên và học sinh) tại địa chỉ <http://csdl.moet.edu.vn> nhằm tin học hóa, hiện đại hóa trong việc quản trị trường học, công tác quản lý, báo cáo.

- Phần mềm Văn phòng điện tử eOffice: Sở duy trì vận hành phần mềm văn phòng điện tử eOffice để phục vụ trong công tác quản lý, điều hành, trao đổi công việc qua ứng dụng hội thoại của phần mềm.

- Triển khai ứng dụng chữ ký số để ký số văn bản và gửi, nhận văn bản liên thông giữa các cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện.

- Tiếp tục duy trì hiệu quả Cổng thông tin điện tử của ngành. Ngoài việc đăng tin, cập nhật tình hình hoạt động, văn bản điều hành. Trang tin còn thực hiện tốt việc cập nhật điểm thi của học sinh trong các kỳ thi như: tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2019 - 2020, Kỳ thi THPT quốc gia năm 2019 (<http://diemthi.quangngai.edu.vn>), trang thông tin tuyển dụng viên chức (<http://tuyendung.quangngai.edu.vn>) nhằm tạo điều kiện cho học sinh, phụ huynh sớm cập nhật kết quả thi và thông tin liên quan đến kỳ thi tuyển dụng viên chức đến với thí sinh.

Ngoài ra, Sở còn sử dụng các phần mềm khác như: Sử dụng mail điện tử công vụ; phần mềm khai, báo thuế; phần mềm khai báo bảo hiểm xã hội; phần mềm quản lý kế toán hành chính sự nghiệp; phần mềm diệt virus bản quyền BKAV...

*b) Tình hình thực hiện ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp*

- Sở đã thường xuyên cập nhật việc niêm yết, công khai thủ tục hành chính (TTHC) sau khi TTHC được công bố trên Trang thông tin điện tử thành phần của Sở, Trang thông tin điện tử là địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính, tiếp nhận phản ánh kiến nghị về cải cách hành chính,... tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở GDĐT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh; trên Trang thông tin điện tử của Sở tại địa chỉ:

<http://quangngai.edu.vn> và Cổng thông tin điện tử của tỉnh tại địa chỉ: [moteua.quangngai.gov.vn](http://moteua.quangngai.gov.vn) gồm 41 TTHC bảo đảm chính xác, rõ ràng, cập nhật thường xuyên, tạo thuận lợi cho người dân khi tra cứu, tìm hiểu TTHC.

- Đã đăng ký chuyển đổi Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 sang phiên bản ISO 9001:2015 trong năm 2020 góp phần nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công.

- Năm 2019, Sở đã đăng ký 3/41 TTHC triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3. Phối hợp với Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Bru điện tỉnh tổ chức triển khai thực hiện sử dụng dịch vụ chuyển fax nhanh kết quả giải quyết TTHC. Việc triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 đã được thực hiện, tuy nhiên bước đầu chưa có tổ chức, cá nhân nào thực hiện TTHC bằng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3; trong thời gian tới Sở sẽ tiếp tục tuyên truyền và hướng dẫn tổ chức, cá nhân thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 nhằm chuyển kết quả TTHC nhanh, gọn, tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại cho tổ chức, cá nhân.

- Việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ TTHC trên hệ thống thông tin trực tuyến (*chi tiết theo Phụ lục 2 kèm theo*).

*c) Kết quả sử dụng, ứng dụng CNTT để thực hiện CCHC, hiện đại hóa nền hành chính (chi tiết theo Phụ lục 3 kèm theo).*

#### **4. Tình hình thực hiện công tác an toàn, an ninh thông tin**

- Sở GDĐT đã trang bị 01 máy chủ (Server) để vận hành các ứng dụng hiện có của ngành. Tuy nhiên do nguồn kinh phí còn hạn chế nên việc đầu tư cho công tác bảo mật, an toàn thông tin chưa thực hiện. Đề xuất cơ quan có thẩm quyền cho phép trang bị thiết bị bảo mật tường lửa Firewall trong năm 2020.

- Thực hiện công tác an toàn, an ninh thông tin, Giám đốc Sở đã chỉ đạo công chức, viên chức và người lao động không sử dụng chung địa chỉ thư điện tử công vụ; không sử dụng hộp thư công vụ đăng ký các trang mạng xã hội, diễn đàn và các trang thông tin công cộng khác; không sử dụng các hộp thư điện tử công cộng như Google, Yahoo, Hotmail,... để trao đổi thông tin liên quan đến chức trách, nhiệm vụ được giao.

#### **5. Công tác phối hợp trong triển khai thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin để cải cách hành chính**

Thực hiện các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh về công tác CCHC, Sở Giáo dục và Đào tạo thường xuyên liên hệ, phối hợp tốt với Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan để tiến hành rà soát, thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin để cải cách hành chính.

#### **6. Công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc triển khai thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin để cải cách hành chính nhà nước, hiện đại hóa nền hành chính**

Hàng năm, xây dựng và ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác thực hiện cải cách hành chính của các phòng, đơn vị thuộc Sở, lồng ghép nội dung này vào các cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên đề, chuyên ngành trong từng năm học.

### **III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ**

#### **1. Ưu điểm**

- Lãnh đạo Sở đã kịp thời quan tâm, chỉ đạo phát triển và ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan; ban hành các văn bản để chỉ đạo triển khai thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ ứng dụng CNTT của Sở. Trên cơ sở đó, các phòng, đơn vị thuộc Sở đã chủ động triển khai, thực hiện và bước đầu đã mang lại hiệu quả trong việc trao đổi thông tin.

- Nguồn nhân lực và cơ sở vật chất hiện có đã cơ bản đáp ứng yêu cầu về ứng dụng CNTT để thực hiện cải cách hành chính.

- Công chức, người lao động của Sở sử dụng thành thạo ứng dụng cơ bản tin học văn phòng và các ứng dụng nghiệp vụ có liên quan đến quản lý điều hành tác nghiệp trên ứng dụng CNTT.

- Thường xuyên cập nhật đầy đủ thông tin về thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ. Trang thông tin điện tử thành phần của Sở cập nhật thông tin dịch vụ công trực tuyến trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh để tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân dễ dàng tiếp cận để giải quyết thủ tục hành chính khi có nhu cầu.

- Công tác an ninh, an toàn thông tin: Lãnh đạo Sở thường xuyên tổ chức quán triệt các quy định về an toàn thông tin, nhằm nâng cao nhận thức về trách nhiệm đảm bảo an toàn thông tin của từng cá nhân trong cơ quan.

#### **2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

- Cơ sở hạ tầng CNTT, hạ tầng mạng thông tin còn yếu. Các máy tính trang bị tại Sở cấu hình thấp, lỗi thời so với sự phát triển mạnh mẽ của CNTT hiện nay.

- Nguồn kinh phí đầu tư cho ứng dụng CNTT hàng năm còn thấp.

- Hệ thống máy tính làm việc của cơ quan đã cũ, cấu hình thấp ảnh hưởng đến khả năng xử lý công việc, vận hành ứng dụng CNTT trong giải quyết công việc nói chung và cải cách thủ tục hành chính nói riêng.

- Việc chưa đồng bộ trong việc đầu tư, chông chéo giữa các phần mềm, hệ thống thông tin, chưa được chia sẻ cơ sở dữ liệu quốc gia. Điều này ảnh hưởng đến việc ứng dụng CNTT trong hiện đại hóa nền hành chính.

#### **3. Nhiệm vụ, giải pháp**

- Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, lãnh đạo Sở đối với phát triển CNTT, tạo bước chuyển biến từ nhận thức đến hành động tại các phòng, đơn vị và công chức, viên chức, người lao động. Tiếp tục quan tâm chỉ đạo việc duy trì và khai thác sử dụng có hiệu quả hệ thống một cửa điện tử tích hợp dịch vụ hành chính công trực tuyến; hệ thống trang thiết bị CNTT, hệ thống các phần mềm dùng chung.

- Tăng cường việc gửi, nhận văn bản điện tử qua phần mềm Quản lý văn bản và điều hành hoặc hệ thống thư điện tử của tỉnh.

- Tiếp tục đầu tư hệ thống các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống trang thiết bị công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả sử dụng, ứng dụng CNTT trong cơ quan.

- Khuyến khích công dân, tổ chức, doanh nghiệp sử dụng tối ưu, khai thác tối ưu dịch vụ công trực tuyến và ứng dụng CNTT để thực hiện cải cách thủ tục hành chính.

- Tăng cường trang bị kiến thức về CNTT, kỹ năng sử dụng CNTT cho đội ngũ công chức, viên chức và người lao động. Từ đó, khuyến khích tự nâng cao trình độ, nhận thức và đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong cơ quan.

- Đào tạo nhân lực, phối hợp chặt chẽ với đơn vị chuyên giao các dịch vụ công trực tuyến trong quá trình đào tạo, xây dựng các quy định, quy chế để vận hành hệ thống một cửa điện tử tích hợp dịch vụ công trực tuyến của Sở.

#### **IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

##### **1. Với UBND tỉnh**

- Bố trí kinh phí đầu tư ứng dụng, phát triển CNTT gắn với CCHC, đầu tư trang thiết bị liên quan đến CNTT để phục vụ tốt cho việc triển khai dịch vụ công trực tuyến và công tác chuyên môn của Sở.

- Ban hành các văn bản quy định sự phối hợp chặt chẽ giữa Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính và Ban Chỉ đạo phát triển CNTT của tỉnh; thực hiện đồng bộ giữa phát triển CNTT với cải cách hành chính và xây dựng Chính quyền điện tử.

- Tiếp tục triển khai hệ thống quản lý văn bản và điều hành theo hướng tăng cường chức năng chỉ đạo, điều hành, mở rộng liên thông đến cấp xã, phường, thị trấn và đảm bảo kết nối liên thông với các hệ thống quản lý văn bản và điều hành quy mô. Nâng cấp, sửa chữa đồng bộ trang thiết bị CNTT tại các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố để đảm bảo các trang thiết bị, hệ thống mạng nội bộ hoạt động thông suốt, ổn định.

- Thống nhất, đồng bộ trong việc triển khai các phần mềm, hệ thống thông tin trên toàn địa bàn tỉnh.

##### **2. Với Sở Thông tin và Truyền thông**

Chủ trì hướng dẫn xây dựng các quy định về phát triển CNTT gắn với cải cách hành chính, xây dựng các quy định về đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động ứng dụng CNTT của cơ quan nhà nước. Thường xuyên tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho công chức, viên chức phụ trách về CNTT. Tăng cường công tác tuyên truyền và nâng cao nhận thức về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

Sở Giáo dục và Đào tạo kính báo cáo./.

##### **Nơi nhận:**

- Ban Pháp chế, HĐND tỉnh (báo cáo);
- Thành viên Đoàn Giám sát Ban Pháp chế, HĐND tỉnh;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng chuyên môn thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Trần Sỹ**



Phụ lục 1  
**Tình hình đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động  
và cải cách hành chính của cơ quan**

STT	Nội dung đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Kinh phí đầu tư	Kết quả đạt được
<b>Năm 2016</b>				
1	Xây dựng phòng họp trực tuyến	Ứng dụng CNTT trong quản lý, quản trị trường học, phục vụ dạy và học	1.112.320.000	Đạt kết quả cao trong mục tiêu đầu tư
2	Trang bị máy scan văn bản	Ứng dụng CNTT trong quản lý, quản trị trường học, phục vụ dạy và học	10.000.000	Đạt kết quả cao trong mục tiêu đầu tư
3	Lắp đặt hệ thống bảng điện tử theo dõi lịch công tác tuần	Ứng dụng CNTT trong quản lý, quản trị trường học, phục vụ dạy và học	75.357.000	Đạt kết quả cao trong mục tiêu đầu tư
4	Tập huấn phần mềm Eoffice	Ứng dụng CNTT trong quản lý, quản trị trường học, phục vụ dạy và học	6.000.000	Đạt kết quả cao trong mục tiêu đầu tư
<b>Năm 2017</b>				
1	Phục vụ hoạt động trang Web ngành	Ứng dụng CNTT trong quản lý, quản trị trường học, phục vụ dạy và học	141.516.000	Đạt kết quả cao trong mục tiêu đầu tư
2	Tập huấn Eoffice	Ứng dụng CNTT trong quản lý, quản trị trường học, phục vụ dạy và học	8.600.000	Đạt kết quả cao trong mục tiêu đầu tư
<b>Năm 2018</b>				
1	Nâng cấp trang Web của ngành	Ứng dụng CNTT trong quản lý, quản trị trường học, phục vụ dạy và học	90.000.000	Đạt kết quả cao trong mục tiêu đầu tư



STT	Nội dung đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Kinh phí đầu tư	Kết quả đạt được
2	Trang bị phần mềm diệt Virus	Ứng dụng CNTT trong quản lý, quản trị trường học, phục vụ dạy và học	23.000.000	Đạt kết quả cao trong mục tiêu đầu tư
<b>Năm 2019</b>				
1	Tập huấn quản lý, sử dụng phần mềm Eoffice	Ứng dụng CNTT trong quản lý, quản trị trường học, phục vụ dạy và học	30.000.000	Đạt kết quả cao trong mục tiêu đầu tư
2	Tập huấn ứng dụng CNTT trong quản lý hành chính	Ứng dụng CNTT trong quản lý, quản trị trường học, phục vụ dạy và học	10.000.000	Đạt kết quả cao trong mục tiêu đầu tư
3	Nâng cấp phòng họp trực tuyến, trang bị màn hình tại điểm cầu chính	Ứng dụng CNTT trong quản lý, quản trị trường học, phục vụ dạy và học	90.000.000	Đạt kết quả cao trong mục tiêu đầu tư







Phụ lục 2

**Tình hình thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp**

Số TT	Tên dịch vụ công trực tuyến (hoặc tên thủ tục hành chính)	Mức độ dịch vụ (3,4)	Số lượng hồ sơ tiếp nhận, giải quyết trực tuyến/tổng số hồ sơ đã giải quyết trong từng năm				Ghi chú
			2016	2017	2018	6 tháng năm 2019	
1	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo	83	0	0	0	83	
2	Lĩnh vực hệ thống văn bản, chứng chỉ	226	0	0	0	226	



Phụ lục 3

**Mức độ ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện cải cách hành chính, hiện đại hóa nền hành chính**

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
7	<b>HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH</b>	<b>13</b>	<b>7,5</b>
7.1	<b>Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) của sở</b>	<b>4,5</b>	<b>4,5</b>
7.1.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch ứng dụng CNTT	1,5	1,5
	<i>Hoàn thành từ 80% - 100% kế hoạch thì điểm đánh giá được tính theo công thức [tỷ lệ % hoàn thành x 1.5/100%]</i>		1,5
	<i>Hoàn thành dưới 70% kế hoạch</i>	0	
7.1.2	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa sở với các cơ quan khác và giữa cơ quan, đơn vị thuộc sở dưới dạng điện tử	1	1
	<i>Từ 90% số văn bản trở lên</i>	1	1
	<i>Từ 60% - dưới 90% số văn bản</i>	0,5	
	<i>Từ 50% - dưới 60% số văn bản</i>	0,25	
	<i>Dưới 50% số văn bản</i>	0	
7.1.3	Thực hiện kết nối, liên thông các phần mềm quản lý văn bản giữa các cơ quan nhà nước	1	1
	<i>Đã kết nối, liên thông</i>	1	1
	<i>Chưa thực hiện kết nối, liên thông</i>	0	
7.1.4	Tỷ lệ Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị thuộc sở sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp trong xử lý công việc	1	1
	<i>100% số Thủ trưởng cơ quan, đơn vị</i>	1	1
	<i>Từ 80% - dưới 100% số Thủ trưởng cơ quan, đơn vị</i>	0,5	
	<i>Dưới 80% số Thủ trưởng cơ quan, đơn vị</i>	0	
7.2	<b>Cung cấp dịch vụ công trực tuyến</b>	<b>3</b>	<b>0</b>



7.2.1	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ trong năm	1	0
	Từ 80% số TTHC trở lên cung cấp trực tuyến mức độ 3,4 có phát sinh hồ sơ	1	
	Từ 60% số TTHC trở lên cung cấp trực tuyến mức độ 3,4 có phát sinh hồ sơ	0,5	
	Dưới 60% số TTHC trở lên cung cấp trực tuyến mức độ 3,4 có phát sinh hồ sơ	0	
7.2.2	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	1	
	<i>Từ 40% số hồ sơ TTHC trở lên</i>	1	
	<i>Từ 20% - dưới 40% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá được tính theo công thức [Tỷ lệ % số hồ sơ x 1/40%]</i>		
	<i>Dưới 20% số hồ sơ TTHC</i>	0	
7.2.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 4	1	0
	<i>Từ 30% số hồ sơ TTHC trở lên</i>	1	
	<i>Từ 10% - dưới 30% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá được tính theo công thức [Tỷ lệ % số hồ sơ x 1/40%]</i>		
	<i>Dưới 10% số hồ sơ TTHC</i>	0	0
7,3	<b>Thực hiện quy định về tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích</b>	2,5	0
7.3.1	Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI	0,5	0
	Từ 70% số TTHC trở lên có phát sinh hồ sơ	0,5	
	Từ 50% - dưới 70% số TTHC trở lên có phát sinh hồ sơ	0,25	
	Dưới 50% số TTHC trở lên có phát sinh hồ sơ	0	0
7.3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	1	
	Từ 10% số hồ sơ TTHC trở lên	1	

X.H.C  
SỞ  
O DƯ  
HỌ TÊN  
TNG

	Dưới 10% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá được tính theo công thức [Tỷ lệ % số hồ sơ x 1/10%]		
7.3.3	Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI	1	0
	Từ 15% số hồ sơ TTHC trở lên	1	
	Dưới 15% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá được tính theo công thức [Tỷ lệ % số hồ sơ x 1/10%]		0
7,4	<b>Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng (ISO 9001) theo quy định</b>	3	3
7.4.1	Công bố ISO 9001 tại cơ quan	1,5	1,5
	<i>Đã công bố</i>	1,5	1,5
	<i>Chưa công bố</i>	0	
7.4.2	Cơ quan thực hiện đúng việc duy trì, cải tiến ISO 9001 theo quy định	1,5	1,5
	<i>Thực hiện đúng</i>	1,5	1,5
	<i>Không duy trì</i>	0	

